

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 85/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 1988

NGHỊ ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 85/HĐBT NGÀY 13-5-1988

BAN HÀNH ĐIỀU LỆ VỀ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực Nhà nước;

Để tăng cường công tác tổ chức và quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ về kiểu dáng công nghiệp.

Điều 2. - Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Điều lệ này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. - Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

ĐIỀU LỆ

VỀ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị định số 85-HĐBT ngày 13-5-1988

của Hội đồng Bộ trưởng)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Điều lệ này được ban hành nhằm khuyến khích các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, các xí nghiệp công tư hợp doanh, các tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa (sau đây gọi là các cơ quan, đơn vị) và mọi công dân nghiên cứu tạo ra và sử dụng rộng rãi các kiểu dáng công nghiệp mới trong việc chế tạo các sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về đời sống vật chất và văn hoá của toàn xã hội.

2. Điều lệ này xác lập và bảo hộ các quyền liên quan đến việc tạo ra và sử dụng kiểu dáng công nghiệp.

Điều 2.

1. Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm, được thể hiện bằng các đường nét, hình khối, màu sắc hoặc sự kết hợp các yếu tố trên và có thể dùng làm mẫu để chế tạo sản phẩm công nghiệp hoặc thủ công nghiệp.

2. Điều lệ này chỉ bảo hộ những kiểu dáng công nghiệp mới.

Điều 3. - Kiểu dáng công nghiệp được công nhận là mới nếu trước ngày ưu tiên của đơn đăng ký (theo quy định ở điều 7), kiểu dáng công nghiệp đó:

- a) Khác biệt cơ bản với những kiểu dáng công nghiệp tương tự đã biết ở trong và ngoài nước;
- b) Chưa được bộc lộ công khai ở bất cứ đâu, dưới hình thức mô tả, sử dụng hoặc bất kỳ hình thức nào khác.

Điều 4. - Các đối tượng dưới đây không được bảo hộ theo Điều lệ này:

- a) Kiểu dáng của các công trình xây dựng công nghiệp hoặc dân dụng;
- b) Kiểu dáng các sản phẩm không nhìn thấy được trong quá trình sử dụng;
- c) Kiểu dáng các sản phẩm do chính chức năng của sản phẩm quyết định hoặc chỉ nhằm giải quyết một nhiệm vụ kỹ thuật;
- d) Kiểu dáng các sản phẩm chỉ có giá trị thẩm mỹ;
- e) Các kiểu dáng công nghiệp trái với trật tự công cộng và đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Điều 5.

1. Cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài được hưởng các quyền quy định trong Điều lệ này như công dân hoặc pháp nhân Việt Nam trên nguyên tắc bình đẳng, có đi, có lại và phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

2. Cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài muốn được bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ở Việt Nam phải thông qua người đại diện được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép hoạt động và được Cục Sáng chế chấp nhận.

CHƯƠNG II

BẢO HỘ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Điều 6. - Nhà nước bảo hộ pháp lý các kiểu dáng công nghiệp dưới hình thức các giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp cho cá nhân hoặc pháp nhân nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp của mình theo quy định của Điều lệ này.

Giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp xác nhận quyền ưu tiên đối với kiểu dáng công nghiệp, tác giả của kiểu dáng công nghiệp, chủ của kiểu dáng công nghiệp và độc quyền sử dụng của chủ kiểu dáng công nghiệp.

Điều 7. - Quyền ưu tiên đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được xác định theo ngày ưu tiên. Ngày ưu tiên là:

1. Ngày nộp đơn đăng ký hợp lệ tại Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.
2. Ngày nộp đơn đăng ký đầu tiên ở một nước khác trên cơ sở của Điều ước quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp mà Việt Nam tham gia.
3. Ngày bắt đầu trưng bày kiểu dáng công nghiệp tại một cuộc triển lãm quốc tế chính thức hoặc được công nhận là chính thức tổ chức trên lãnh thổ của bất kỳ nước thành viên nào của Công ước Pa-ri về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nếu đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được nộp trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày kiểu dáng công nghiệp được trưng bày tại triển lãm.

Điều 8.

1. Tác giả kiểu dáng công nghiệp là người đã tạo ra kiểu dáng công nghiệp bằng chính lao động sáng tạo của mình.
2. Nếu kiểu dáng công nghiệp do nhiều người cùng tạo ra thì những người này được công nhận là đồng tác giả của kiểu dáng công nghiệp.
3. Không thừa nhận là đồng tác giả những người chỉ giúp tác giả về mặt kỹ thuật trong quá trình tạo ra kiểu dáng công nghiệp (chuẩn bị bản vẽ hay ảnh chụp, trình bày tư liệu, chế tạo vật mẫu v.v...)

Điều 9. - Chủ kiểu dáng công nghiệp là cá nhân hoặc pháp nhân được cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp.

Điều 10.

1. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp do tác giả hoặc người thừa kế hợp pháp của tác giả làm và nộp cho Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước

2. Đối với những kiểu dáng công nghiệp được tạo ra trong phạm vi chịu trách nhiệm của tác giả khi thực hiện những nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hoặc đối với những kiểu dáng công nghiệp được tạo ra nhờ sự giúp đỡ của cơ quan, đơn vị (sau đây gọi tắt là kiểu dáng công nghiệp công vụ) thì cơ quan, đơn vị có quyền nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đó. Tác giả của những kiểu dáng công nghiệp công vụ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị về kiểu dáng công nghiệp do mình tạo ra.

Nếu sau 2 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của tác giả mà cơ quan, đơn vị không nộp đơn đăng ký theo quy định thì tác giả có quyền nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đó.

3. Đối với những kiểu dáng công nghiệp được tạo ra khi thực hiện hợp đồng nghiên cứu triển khai khoa học kỹ thuật thì quyền nộp đơn đăng ký thuộc về bên đã tạo ra kiểu dáng công nghiệp đó nếu trong hợp đồng không có thoả thuận nào khác.

4. Đối với những kiểu dáng công nghiệp được tạo ra ở các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh thì quyền nộp đơn đăng ký thuộc về tác giả nếu trong hợp đồng lao động không có thoả thuận nào khác.

5. Người nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp phải nộp lệ phí đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp (lệ phí nộp đơn).

Điều 11. - Tác giả kiểu dáng công nghiệp (kể cả tác giả kiểu dáng công nghiệp nêu ở mục 3, Điều 10) có thể trao cho một cá nhân hoặc pháp nhân có nhu cầu sử dụng kiểu dáng công nghiệp của mình quyền nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp.

Điều 12. - Các cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân có thể nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp của mình ở nước ngoài sau khi đã nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đó ở Việt Nam và phải có sự chấp thuận của Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Điều 13.

1. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp là 5 năm kể từ ngày ưu tiên của đơn đăng ký. Chủ kiểu dáng công nghiệp phải nộp lệ phí đăng bạ kiểu dáng công nghiệp (lệ phí đăng bạ).
2. Thời hạn nêu ở mục 1 trên đây có thể được kéo dài thêm nhiều nhất là 2 chu kỳ liên tiếp, mỗi chu kỳ 5 năm nếu chủ kiểu dáng công nghiệp nộp đơn xin gia hạn hiệu lực và nộp lệ phí liên quan đến việc gia hạn hiệu lực.
3. Lệ phí đăng bạ là lệ phí gia hạn hiệu lực giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp nêu ở mục 1 và 2 trên đây cũng như các khoản lệ phí khác liên quan đến việc nộp đơn đăng ký, công bố kiểu dáng công nghiệp... được quy định trong văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ này của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.
4. Giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp sẽ mất hiệu lực trước thời hạn nếu là chủ kiểu dáng công nghiệp nộp đơn xin từ bỏ bảo hộ cho Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Điều 14.

1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp:
 - a) Không ai được sử dụng kiểu dáng công nghiệp nếu không được sự đồng ý của chủ kiểu dáng công nghiệp đó;
 - b) Chủ kiểu dáng công nghiệp có toàn quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp của mình trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam .
2. Hình thức sử dụng kiểu dáng công nghiệp nêu ở điểm 1 trên đây có thể là:
 - a) Sản xuất các sản phẩm theo kiểu dáng công nghiệp đó;
 - b) Nhập khẩu, quảng cáo, bán hoặc sử dụng các sản phẩm chế tạo theo kiểu dáng công nghiệp đó nhằm mục đích sản xuất, kinh doanh.

Điều 15.

1. Chủ kiểu dáng công nghiệp có thể chuyển giao toàn phần hoặc từng phần quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp của mình cho người khác trên cơ sở hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp. Việc ký kết hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp được thực hiện theo quy định của Nhà nước.